

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 30/7/2024.

V/v: Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị D – sinh năm 1966, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Hồng N – sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Mai Thị D như sau:

Vào tháng 5 năm 2021, bà Trương Thị Hồng N đã vay của bà 05 lần tổng cộng bằng 9.000.000đồng. Khi cho vay hai bên không có làm biên nhận, bà N hứa đóng lãi

bằng 10%/tháng và trả dần tiền vốn mỗi tháng 2.000.000đồng. Nhưng sau khi nhận tiền thì bà N không trả lời hay vốn gì cho bà.

Nay yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Hồng N phải trả cho bà số tiền 9.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên từ tháng 06/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện bằng 6.000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị Hồng N trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà Mai Thị D số tiền 9.000.000đồng và còn nợ số tiền vay cùng số tiền lãi bằng 6.000.000đồng, tổng cộng bằng 15.000.000đồng. Bà đồng ý trả hết số tiền này cho bà D nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.000.000đồng cho đến khi trả hết số tiền này cho bà D. Bà thống nhất tính lãi bằng 20%/năm đối với số tiền trên.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Mai Thị D với bà Trương Thị Hồng N là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Mai Thị D có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Mai Thị D không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Mai Thị D là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà Mai Thị D và bà Trương Thị Hồng N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vào tháng 5 năm 2021, bà Mai Thị D cho bà Trương Thị Hồng N vay số tiền 9.000.000đồng, hai bên không có viết biên nhận nợ nhưng tại bản tự khai, tại phiên tòa và biên bản hòa giải ngày 01/02/2024 của Ban lãnh đạo ấp A, xã Đ, huyện G, bà Trương Thị Hồng N đã thừa nhận có vay của bà Mai Thị D tổng số tiền bằng 9.000.000đồng và hiện còn nợ bà Mai Thị D số tiền này, nên theo quy định tại Điều

92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Mai Thị D không cần phải chứng minh, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D đối với số tiền 9.000.000đồng đã cho bà Trương Thị Hồng N vay là có cơ sở chấp nhận. Do phía bà Trương Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Mai Thị D nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị D về việc buộc bà Trương Thị Hồng N phải trả cho bà Mai Thị D số tiền 9.000.000đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Bà Mai Thị D và bà Trương Thị Hồng N thống nhất với nhau về số tiền lãi bằng 6.000.000đồng và bà N thừa nhận hiện bà còn nợ bà D số tiền lãi này. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất bằng 10%/tháng và trả dần tiền vốn mỗi tháng 2.000.000đồng, tuy nhiên, mức lãi mà các bên tính không vượt quá quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên trên Hội đồng xét xử buộc bà Trương Thị Hồng N phải trả cho bà Mai Thị D số tiền lãi bằng 6.000.000đồng là phù hợp. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà Trương Thị Hồng N phải trả cho bà Mai Thị D bằng 15.000.000đồng.

Đối với yêu cầu của bà Trương Thị Hồng N xin trả dần số tiền 15.000.000đồng cho bà Mai Thị D bằng cách trả dần mỗi tháng bằng 1.000.000đồng cho đến khi hết số nợ trên, tuy nhiên, phía bà Mai Thị D không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Trương Thị Hồng N phải nộp số tiền 750.000đồng (15.000.000đồng x 5%).

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D.

Xử: Buộc bà Trương Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị D số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận bằng 20%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trương Thị Hồng N phải nộp số tiền 750.000 đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**